

Số: 260/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: 299/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1991

CCCD số 030191017473 do Cục C về TTXH cấp ngày 18/12/2021;

HKTT: Đội 13, khu T, xã N, thành phố Hải Phòng; Nơi ở: Số C - E, phường T, thành phố Hà Nội.

Anh Phạm Văn L, sinh năm 1988

CCCD số 038088034244 do Bộ C1 cấp ngày 24/7/2024.

HKTT: Thôn 1, xã Tân Tiến, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở: Số 308A - E12, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phan Thị Thu H** và anh **Phạm Văn L** cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị **Phan Thị Thu H** và anh **Phạm Văn L** xác nhận có 02 con chung là cháu **Phạm Gia H1**, sinh ngày 22/12/2014 và cháu **Phạm Trúc L1**, sinh ngày 20/8/2020. Anh, chị thoả thuận sau khi ly hôn giao 02 con chung là **Phạm Gia H1** và cháu **Phạm Trúc L1** cho mẹ là chị **Phan Thị Thu H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Phạm Văn L** có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản), nợ chung: Chị **Phan Thị Thu H** và anh **Phạm Văn L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Chị **Phan Thị Thu H** và anh **Phạm Văn L** không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

2. Về lệ phí: Chị **Phan Thị Thu H** và anh **Phạm Văn L** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0005522 ngày 10/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hà Nội;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI
THẨM PHÁN**

Lê Thị Thu Hường